

Bản án số: 174/2018/DS-ST

Ngày: 20-11-2018

V/v tranh chấp “*Hợp đồng dân sự,
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Kim Xuyên;

Ông Tôn Phước Thuận.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang– Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp “*Hợp đồng dân sự, vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Phú V, sinh năm 1981.

Cư trú: Số 350, ấp T1, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 24/5/2018); (có mặt).

Cư trú: 477A/24, khóm B3, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1978; (vắng mặt).

Cư trú: Ấp T2, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1977; (vắng mặt).

Cư trú: Ấp T2, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa ông V với bà T là người cùng xã, ông V biết bà T cùng chồng là ông U kinh doanh nghề vận tải hàng hóa. Ngày 12/02/2018, bà T hỏi vay của ông V số tiền 98.000.000 đồng và cam kết trả dần vốn mỗi ngày 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ, thời gian trả từ ngày 20/2/2018 âm lịch. Khi vay, hai bên không tính lãi và có làm biên nhận nợ vào ngày 12/02/2018. Ông V đã giao đủ số tiền cho bà T. Sau đó, bà T trả được 5.000.000 đồng thì không tiếp tục trả nợ như đã cam kết ban đầu, ông V đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà T vẫn không trả và cứ hứa hẹn lần lữa. Đến nay, bà T còn nợ lại ông V số tiền 93.000.000 đồng.

Giữa bà T và ông U là vợ chồng, ông bà vẫn còn sống chung và có con chung với nhau. Bà T vay tiền để kinh doanh chung với chồng và chi phí sinh hoạt trong gia đình. Do đó, ông V yêu cầu bà T cùng ông U có nghĩa vụ liên đới trả số nợ còn lại 93.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 11/4/2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Thị T trình bày: Vào ngày 12/02/2018 bà có làm giấy nhận nợ với ông V với nội dung bà có mượn của ông V số tiền 98.000.000 đồng, lãi suất 30%/tháng (cứ 10.000.000 đồng thì đóng lãi 100.000 đồng/ngày). Từ ngày 12/02/2018 đến nay bà không có đóng lãi cho ông V. Ngày 15/02/2018, bà có trả được 5.000.000 đồng và ông V có ký nhận số tiền này. Hiện tại, bà chỉ còn nợ lại ông V 93.000.000 đồng. Bà đồng ý trả số tiền này nhưng do hoàn cảnh bà đang khó khăn bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ và bà không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của ông V. Việc bà mượn tiền của ông V thì chồng bà là ông Nguyễn Văn U không biết và cũng không có trách nhiệm gì đối với số nợ này. Bà mượn tiền của ông V để bà điều trị bệnh và chi phí sinh hoạt trong gia đình.

Ông U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không tiến hành được phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà T và ông U có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 93.000.000 đồng, rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến ngày xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Theo ông Đoàn Phú V trình bày: Ngày 12/02/2018, ông Đoàn Phú V có cho bà Phạm Thị T vay 98.000.000 đồng, trả dần mỗi ngày 1.000.000 đồng, thời gian trả từ ngày 20/02/2018. Do bà T không thực hiện như cam kết nên ông V khởi kiện yêu cầu bà T, ông Nguyễn Văn U (chồng bà T) liên đới trả 93.000.000 đồng, tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 14/5/2018 đến ngày Tòa

án xét xử sơ thẩm. Rút lại yêu cầu khởi kiện 5.000.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông V là phù hợp khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Phía bà T thừa nhận còn nợ ông V 93.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng và không tính lãi suất.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa ông V, bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và được thể hiện bằng biên nhận ngày 12/02/2018. Do phía bà T vi phạm nghĩa vụ nên ông V khởi kiện yêu cầu trả 93.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với ông U, tuy không trực tiếp giao kết hợp đồng, nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại, nên việc ông V yêu cầu ông U liên đới cùng bà T trả số tiền 93.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Về lãi suất, do bà T, ông U chậm thực hiện nghĩa vụ ảnh hưởng đến quyền lợi của ông V nên việc ông V yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 14/5/2018 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng của bà T không được ông V đồng ý nên không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông V khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản với bị đơn có nơi cư trú tại ấp T2, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Giữa Ông V với bà T có giao dịch vay tài sản với nhau và được lập thành văn bản ngày 12/02/2018 có chữ ký xác nhận của bà T. Xét thấy, hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo triệu tập U để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn không có mặt và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án nên Tòa án không có cơ sở xem xét ý kiến của ông.

Căn cứ vào biên nhận nợ ngày 12/02/2018, xác định bà T có vay của ông V số tiền 98.000.000 đồng. Khi vay, hai bên thỏa thuận bà T sẽ trả dần mỗi ngày 1.000.000 đồng đến khi hết số tiền nợ. Tuy nhiên, bà T chỉ trả được 5.000.000 đồng thì ngưng trả cho đến nay. Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ như đã cam kết nên ông V khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền còn nợ 98.000.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả 93.000.000 đồng do trước đó bà T đã trả 5.000.000 đồng cho nguyên đơn. Đây là sự tự nguyện của đương sự và nội dung thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, xét chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bà T có trách nhiệm trả ông V 93.000.000 đồng là phù hợp Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Trách nhiệm liên đới: Ông V yêu cầu ông U có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với bà T. Xét, ông U không trực tiếp vay tiền và ký tên vào biên nhận nợ. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông nhưng ông không có ý kiến phản đối. Bên cạnh đó, giao dịch vay tài sản của bà T phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng và bà T vay tiền để làm chi phí sinh hoạt trong gia đình nên ông phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả nợ là phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Theo biên nhận nợ và lời trình bày của nguyên đơn, xác định hợp đồng vay tiền giữa hai bên không thỏa thuận lãi suất nên thuộc trường hợp vay không có lãi được quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, căn cứ vào yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử buộc bị đơn trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Về thời hạn tính lãi: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tính lãi kể từ ngày 11/4/2018 đến ngày Tòa án xét xử. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến ngày xét xử. Xét, hợp đồng vay tiền giữa hai bên xác lập vào ngày 12/02/2018 và không thỏa thuận thời gian trả cụ thể, chỉ thỏa thuận trả dần mỗi tháng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 20/02/2018. Mặc dù, nguyên đơn không chứng minh được ngày bị đơn trả số tiền 5.000.000 đồng vào thời gian nào nhưng nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (tức ngày 14/5/2018). Xét, hợp đồng vay giữa hai bên không thỏa thuận thời gian trả nợ nhưng khi bị đơn nhận được Thông báo thụ lý vụ án thì biết được việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay từ ngày Tòa án thụ lý vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận thời hạn tính lãi của nguyên đơn là phù hợp khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 468 luật dân sự năm 2015, lãi suất theo quy định được tính 10%/năm, (0,8333%/tháng), (0,02777%/ngày), số tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 14/5/2018 đến ngày 20/11/2018 là 190 ngày;

Tiền lãi = 93.000.000 đồng x 0,02777%/ngày x 190 ngày = 4.908.000
(bốn triệu chín trăm lẻ tám nghìn) đồng.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc bà T và ông U có trách nhiệm liên đới trả cho ông V số tiền nợ gốc 93.000.000 đồng và tiền lãi 4.908.000 đồng là phù hợp Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí:

- Ông V khởi kiện và được Tòa án chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà T và ông U vi phạm nghĩa vụ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 288, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Các Điều 26, 35, 39, 92, 144, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Phú V.

Buộc bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn U có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đoàn Phú V số tiền nợ gốc 93.000.000 đồng và tiền lãi 4.908.000 đồng. Tổng cộng 97.908.000 (chín mươi bảy triệu chín trăm lẻ tám nghìn) đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn U có trách nhiệm liên đới chịu án phí sơ thẩm 4.895.000 (bốn triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Ông Đoàn Phú V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.450.000 (hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0019630 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 14 tháng 5 năm 2018.

Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THA dân sự Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hiệp Phong